

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/DS-PT
Ngày 24/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Hồng Ánh
Bà Trần Thị Túc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trà Thảo Vân Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:** Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số E đường N, tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số B đường N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (*theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2025*).

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Thanh Q là bị đơn.

(Bà Phạm Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2024; đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/3/2024; các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, tin tưởng nên từ tháng 4/2014 đến tháng 01/2017, nguyên đơn có cho ông Nguyễn Thanh Q vay tiền 05 lần với tổng số tiền vay là 285.000.000 đồng. Ông Q trực tiếp viết và ký tên vào Giấy mượn tiền đề ngày 22/01/2017. Tại giấy mượn tiền không xác định thời hạn trả nợ, khi lập giấy này hai bên có thỏa thuận lãi suất vay nhưng do thời gian đã lâu, ông Q cũng không trả được tiền lãi nên nguyên đơn không xác định được mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu ông Q trả nợ nhiều lần, ngày 22/01/2020 ông Q có trả cho bà 20.000.000 đồng tiền gốc, ngoài ra không trả thêm khoản tiền gốc nào nữa. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh Q phải trả 265.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi từ ngày 22/01/2017 đến ngày 22/01/2020 với mức 10%/năm ($285.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm}$) là 85.500.000 đồng, tiền lãi từ ngày 22/01/2020 đến tháng 8/2024 ($265.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 54 \text{ tháng}$) là 118.773.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi 265.000.000 đồng + 204.273.000 đồng là 469.273.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L (vợ ông Q) có nghĩa vụ cùng ông Q trả nợ cho bà nhưng nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà L trả nợ nữa, bà L không có liên quan gì trong vụ án này, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

** Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 25/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh Q trình bày:*

Từ năm 2014, ông có nhiều lần vay mượn tiền của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T, mỗi lần vay từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, cộng dồn các khoản nợ lại là 285.000.000 đồng, ông đã viết giấy nhận nợ bà T, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 08%/năm, sau đó bà T giảm lãi suất cho ông 03%/năm, ông đã trả lãi cho bà T rất nhiều nhưng ông không có chứng từ nào để chứng minh việc ông đã trả nợ lãi cho bà T, hiện nay số tiền nợ lãi cụ thể bao nhiêu thì ông cũng không xác định được. Ngày 22/01/2020, ông đã trả cho bà T 20.000.000 đồng tiền nợ gốc, việc vay nợ của ông không liên quan gì đến vợ ông là bà Nguyễn Thị L, hiện nay ông đang lâm bệnh nặng, không có khả năng trả nợ cho bà T.

** Bản án số 66/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 30/2024/QĐ-SCBSBA ngày 17/9/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 35/2024/QĐ-SCBSBA ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T. Buộc ông Nguyễn Thanh Q phải thanh toán cho bà Phạm Thị Thanh T tổng số tiền 469.273.000 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 265.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 204.273.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ông Nguyễn Thanh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên ông Q sinh ngày 10/7/1958 là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thanh T 13.086.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001679 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Ngày 27/9/2024 và ngày 04/11/2024, ông Nguyễn Thanh Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định số tiền nợ gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 257.500.000 đồng và xem xét bị đơn không phải trả toàn bộ tiền lãi cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Q làm trong hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh Q, sửa bản án sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Xác định số tiền nợ gốc ông Q phải trả cho bà T là 257.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ năm của số tiền vay giảm dần theo từng thời điểm ông Q trả nợ gốc. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 30/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên. Bị đơn là ông Nguyễn Thanh Q vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 15/9/2024, ông Q nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 27/9/2024 và ngày 04/11/2024, ông Q có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận.

[2] Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Giấy mượn tiền đề ngày 22/01/2017 (bút lục 02) thể hiện ông Nguyễn Thanh Q có mượn bà Phạm Thị Thanh T số tiền là 285.000.000 đồng, là tổng 5 lần mượn tiền của năm 2015; ngoài ra giữa các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ.

Theo Thông báo đòi nợ ngày 06/3/2024, bà T thông báo cho ông Q có nghĩa vụ trả tiền nợ là 285.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ là 342.000.000 đồng cho bà T trong khoảng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; nếu ông Q không thực hiện trả tiền nợ cho bà T thì bà T khởi kiện ra Tòa với số tiền nợ và tiền lãi như trên (bút lục 13). Theo phiếu báo phát của bưu điện thì ông Q nhận thông báo đòi nợ ngày 07/3/2024 (bút lục 12). Tuy nhiên, cùng ngày 06/3/2024 bà Phạm Thị Thanh T có Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả nợ gốc, lãi cho bà là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy, việc xử lý đơn khởi kiện của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp, nhưng quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận nợ và ngày thụ lý vụ án là ngày 28/3/2024 (sau thời hạn ấn định trong thông báo đòi nợ) nên việc thụ lý của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự; tuy nhiên cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc xử lý đơn khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Thanh Q:

[3.1] Về số tiền nợ gốc:

Ngày 22/01/2017, bà T và ông Q đã chốt số tiền nợ là 285.000.000 đồng, được thể hiện tại Giấy mượn tiền đề ngày 22/01/2017.

Theo tài liệu ông Q cung cấp thể hiện:

- Ngày 26/01/2017, bà T nhận của ông Q số tiền 2.500.000 đồng.
- Ngày 02/3/2017, bà T nhận của ông Q số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các tài liệu nêu trên là của nguyên đơn, nguyên đơn thống nhất số tiền 7.500.000 đồng bị đơn đã trả được trừ vào tiền nợ gốc. Ngoài ra, ngày 22/01/2020, ông Q đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc cho bà T, số tiền này bà T đã thừa nhận tại cấp sơ thẩm. Như vậy, tổng số tiền gốc ông Q đã trả cho bà T là 27.500.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Q, buộc ông Q phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 257.500.000 đồng.

[3.2] Về số tiền nợ lãi:

Ông Q cung cấp bảng kê theo dõi việc ông vay mượn tiền của bà T và lãi suất nhưng chữ viết là của ông tự lập ra để theo dõi, không có chữ ký xác nhận của bà T và bà T không thừa nhận đã nhận tiền lãi của ông Q. Bà Thủy cung C 02 tờ giấy nợ tiền lãi do ông Q viết, cụ thể Giấy nợ tiền lãi đề ngày 22/01/2017 số tiền nợ lãi là 240.000.000 đồng và Giấy nợ tiền lãi đề ngày 22/01/2018 số tiền nợ lãi là 102.000.000 đồng để chứng minh ông Q không trả lãi nên viết giấy nợ tiền lãi. Ngoài ra, ông Q cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh bà T đã nhận tiền lãi của ông nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về tiền lãi.

[4] Bản án sơ thẩm xác định hợp đồng vay giữa bà T và ông Q là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi là có cơ sở, tuy nhiên thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2024) 04 năm 06 tháng là không chính xác. Ngoài ra, theo Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 30/2024/QĐ-SCBSBA ngày 17/9/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 35/2024/QĐ-SCBSBA ngày 24/9/2024 xác định mức lãi suất là 0,83%/tháng cũng không chính xác. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất được xác định là 10%/năm. Do đó, tiền lãi được tính lại cụ thể như sau:

- Từ ngày 23/01/2017 đến ngày 26/01/2017 (04 ngày): $285.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} = 317.000 \text{ đồng}$;

- Từ ngày 27/01/2017 đến ngày 02/3/2017 (01 tháng 04 ngày): $282.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} = 2.668.000 \text{ đồng}$;

- Từ ngày 03/3/2017 đến ngày 22/01/2020 (02 năm 10 tháng 20 ngày): $277.500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} = 80.167.000 \text{ đồng}$;

- Từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/8/2024 (04 năm 07 tháng 08 ngày): $257.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} = 118.593.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi là: 201.745.000 đồng.

Ông Q có yêu cầu Tòa án xem xét cho ông không phải trả toàn bộ tiền lãi cho bà T vì hiện ông không còn tài sản có giá trị, không có lương hưu, không còn

sức lao động, không đi lại được; đang sống và điều trị bệnh nhờ vào các con chu cấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên bà T nhưng bà T không đồng ý cho ông Q tiền lãi. Do đó, ông Q phải trả cho bà T tổng số tiền gốc và tiền lãi là 459.245.000 đồng.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 13.086.500 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001679 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Q, sửa bản án sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T. Buộc ông Nguyễn Thanh Q có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Thị Thanh T tổng số tiền nợ là 459.245.000 đồng (*B trăm năm mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 257.500.000 đồng và tiền nợ lãi là 201.745.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Thanh T đã nộp là 13.086.500 đồng (*Mười ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001679 ngày

28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa